

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục 05 thủ tục hành chính (04 cấp tỉnh, 01 cấp xã) được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long
(Thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1245/QĐ-BNNMT ngày 10/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 546/TTr-SNN&MT ngày 16 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 05 thủ tục hành chính (04 cấp tỉnh, 01 cấp xã) được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long *(Thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính)* đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 *(Chi tiết Phụ lục kèm theo)*.

Điều 2. Phạm vi tiếp nhận thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này được thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ sau

1. Trong thời gian 01 ngày kể từ ngày Quyết định ký ban hành phải hoàn thành việc cập nhật công khai đầy đủ danh mục, nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính đã được công bố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ:

- Đồng bộ đầy đủ danh mục và nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính đã được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ, tỉnh.

- Căn cứ cách thức thực hiện của thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này bổ sung vào Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính được công bố kèm theo Quyết định này trong thời hạn chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức niêm yết công khai đầy đủ danh mục tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế nội dung 05 thủ tục hành chính có số thứ tự số 16, 20, 26, 29, Mục I Phần B Phụ lục I và số thứ tự 1, Mục II Phần B Phụ lục I kèm theo Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 12/2/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - BTP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- TTPVHCC, P.KTN;
- Lưu: VT, 06.PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quỳnh Thiện

(Kèm theo Quyết định số 2630/QĐ-TTND ngày 16 tháng 4 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)



PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN						
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH						
1	1.014466.H61	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản ¹	<i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm I có quy mô phân tán, nhỏ lẻ; khoáng sản nhóm II: 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định</i> <i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm III và việc thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét công nhận kết quả thăm dò khoáng sản mà không phải thông qua Hội đồng tư vấn kỹ thuật: 34 ngày làm việc, kể từ ngày</i>	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Mức thu theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TTBTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	- Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11/12/2025; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi bổ sung một số

¹Sửa đổi, bổ sung “ thành phần hồ sơ”.

			nhận được hồ sơ đáp ứng quy định <i>*Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm III và việc thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét công nhận kết quả thăm dò khoáng sản mà phải thông qua Hội đồng tư vấn kỹ thuật: 34 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định</i>	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.		điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.
2	1.014278.H61	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản ²	<i>* Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương</i>	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11/12/2025; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy

² Sửa đổi, bổ sung “trình tự thực hiện”.

			án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận: 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định * Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản: 29 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định. * Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ nhóm IV: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định	đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.		định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực Địa chất và khoáng sản.
3	1.014281.H61	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu	* Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị điều	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ:	Không	- Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều

		khoáng sản <i>chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh khối lượng khoáng sản; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi tên tổ chức, cá nhân; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm: 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định</i> <i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị thay đổi tên tổ chức, cá nhân: 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt</i>	https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.	của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11/12/2025; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi,
--	--	--	---	---

						bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực Địa chất và khoáng sản.
4	1.014256.H61	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản ³	* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản: 44 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ (Trường hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện thì thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định). * Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và d khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư, nhà đầu tư	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.	Không	- Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11/12/2025; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ

³ Sửa đổi, bổ sung “Thành phần hồ sơ”.

			hoặc nhà thầu thi công. * Thuộc một trong các trường hợp sau: (1) Tổ chức, cá nhân (đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 16/01/2026) đề nghị sử dụng khoáng sản là khối lượng tài nguyên nằm trong ranh giới khu vực được phép khai thác mà bắt buộc phải khai đào, bóc xúc mới thi công được công trình khai thác mỏ; (2) Tổ chức, cá nhân đề nghị sử dụng khoáng sản đã khai thác, thu hồi trong phạm vi ranh giới, diện tích khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản và đang được lưu giữ hoặc tập kết tại các kho chứa, bãi chứa quy định tại khoản 9 Điều 4 của Luật số 147/2025/QH15: 11 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân			Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực Địa chất và khoáng sản;
II.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ					
1	1.014258.H61	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng	* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ:	Không	- Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều

		sản ⁴	sản trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản: 44 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ (Trường hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện thì thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định). * Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công	https://dichvucong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.	của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11/12/2025; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT
--	--	------------------	--	---	---

⁴ Sửa đổi, bổ sung “Thành phần hồ sơ”.

						ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực Địa chất và khoáng sản.
--	--	--	--	--	--	--

PHẦN II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Tên thủ tục: Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản

1.1. Trình tự thực hiện

1.1.1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản

- Bước 1: Người sử dụng đất (tổ chức, cá nhân) nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong trường hợp thu hồi khoáng sản nhóm III, nhóm IV từ hoạt động cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 97 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>.

- Bước 2: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản và kiểm tra tại thực địa;

+ Trong thời hạn không quá 21 ngày làm việc, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định về khối lượng khoáng sản thu hồi. Trường hợp thu hồi khoáng sản nhóm I trong diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản (nằm ngoài diện tích khu vực khai thác) thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Đối với trường hợp thu hồi khoáng sản quy định tại điểm c khoản 1 Điều 75 Luật Địa chất và khoáng sản, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị lấy ý kiến cơ quan quản lý chuyên ngành khu vực thực hiện nạo vét về dự án, kế hoạch nạo vét. Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định về khối lượng khoáng sản thu hồi, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản.

* Trường hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản bổ sung, hoàn thiện. Thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

- Bước 4: Xem xét, quyết định

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ký giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản. Trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trả kết quả

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định, thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã để phối hợp quản lý, giám sát thực hiện.

1.1.2. Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản

- Bước 1: Chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công (tổ chức, cá nhân) nộp hồ sơ đề nghị sử dụng khoáng sản nhóm II, nhóm III, nhóm IV dôi dư trong quá trình thi công, thực hiện đề án, công trình, dự án quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa (bãi thải, bãi chứa quy định tại khoản 7 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ) để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>.

- Bước 2: Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định

Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức xem xét, kiểm tra thực địa và quyết định việc cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trả kết quả

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản và thông báo cho

chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

* Đối với người sử dụng đất đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản (cụ thể: thu hồi khoáng sản nhóm III, nhóm IV từ hoạt động cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp):

- Bản chính bản đăng ký thu hồi khoáng sản (*Mẫu số 03 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản sao hợp lệ giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (nếu có);

- Bản sao hợp lệ quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có);

- Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

* Đối với chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản:

Bản chính văn bản đề nghị sử dụng khoáng sản (*Mẫu số 03a - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026*); nội dung văn bản phải thể hiện các thông tin gồm: Loại khoáng sản; khối lượng khoáng sản đề nghị được sử dụng; mục đích sử dụng; tiến độ, thời gian thực hiện hoạt động sử dụng khoáng sản.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết

* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản

- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 31 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ (Trường hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện thì thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định);

- Thời hạn xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt;

- Thời hạn trả kết quả: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

* Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản.

- Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công;

- Thời hạn trả kết quả: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 06 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Bản đăng ký thu hồi khoáng sản (*Mẫu số 03 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

- Văn bản đề nghị sử dụng khoáng sản (*Mẫu số 03a - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026*).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản, người sử dụng đất chỉ được thu hồi khoáng sản khi bắt buộc phải san gạt, đào đắp bề mặt địa hình tạo mặt bằng xây dựng các hạng mục của công trình đó.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11/12/2025;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực Địa chất và khoáng sản.

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

Mẫu số 03 Phụ lục III

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT – BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Bản đăng ký thu hồi khoáng sản

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (tên cấp xã)

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sốngàytháng năm do(tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư sốngày tháng..... nămdo(tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cấp; hoặc Căn cước công dân số

Đề nghị cho phép thu hồi khoáng sản (tên khoáng sản)trong quá trình thực hiện cải tạo, xây dựng công trình trên đất (Tên loại đất ở, đất nông nghiệp)

Diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản là (ha, m², km²), tại vị trí.....

Khối lượng khoáng sản đề nghị thu hồi:(tấn, m³,)

Thời gian thu hồi: Từ ngày ...tháng.....năm ...đến ngày ... tháng năm ...

.....(Tên tổ chức, cá nhân)cam kết nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nghĩa vụ tài chính khác và thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03a Phụ lục III

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT – BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

Văn bản đề nghị được sử dụng khoáng sản

Kính gửi:(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền).....

..... (Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Căn cước công dân sốlà nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công các công trình.....(tên dự án, công trình).....

Đề nghị cho phép được sử dụng khoáng sản.....(tên khoáng sản)..... để cung cấp cho Dự án, công trình..... (tên dự án, công trình).....

Diện tích bãi thải, bãi chứa tập kết khoáng sản được đề nghị sử dụng là (ha, m², km²), tại vị trí(tên địa danh)....., tọa độ, diện tích khu vực thu hồi được thể hiện chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Khối lượng khoáng sản đề nghị sử dụng: (tấn, m³,.....).

Mục đích sử dụng khoáng sản:

Thời gian sử dụng: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm....

.....(Tên tổ chức, cá nhân).....cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
 (Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

PHỤ LỤC

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ BÃI THẢI, BÃI CHỨA TẬP KẾT KHOÁNG SẢN

*(Kèm theo Văn bản đề nghị được sử dụng khoáng sản ngày tháng năm
..... của)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN – 2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
....		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

Mẫu số 6 - Phụ lục III

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT – BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND (Tên cấp xã)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:/XN-UBND

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN
Đăng ký thu hồi khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN ... Tên cấp xã ...

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Thông tư số/...../TT..... tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực Địa chất và khoáng sản;

Xét hồ sơ đăng ký thu hồi khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(Tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của(Thủ trưởng đơn vị thẩm định hồ sơ)

XÁC NHẬN:

Điều 1. Xác nhận (Tên tổ chức, cá nhân)đã đăng ký thu hồi khoáng sản với các nội dung chính sau đây:

1. Tên khoáng sản thu hồi:
2. Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản: khu vực thuộc (tên cấp xã).....(tên cấp tỉnh)
3. Diện tích (hoặc không gian) thu hồi khoáng sản:
 - a) Diện tích: (ha, m2, km2).
 - b) Mức sâu (nếu có): (m).

Không gian thu hồi khoáng sản được thể hiện chi tiết theo Phụ lục kèm⁵

4. Khối lượng khoáng sản thu hồi:..... tấn (m

5. Mục đích sử dụng khoáng sản (nếu có):

6. Thời gian thu hồi khoáng sản:tháng, kể từ ngày Giấy xác nhận này có hiệu lực.

Điều 2.....Tên tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

1. Thực hiện việc thu hồi khoáng sản Tên khoáng sản theo đúng vị trí, khối lượng, chủng loại nêu trên.

2. Thống kê, kiểm kê, tổng hợp đầy đủ khối lượng khoáng sản thu hồi thực tế để thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

3. Định kỳ báo cáo về Ủy ban nhân dân (Tên cấpđể tổng hợp, quản lý theo quy định.

4. Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường trong quá trình thu hồi khoáng sản.

Nơi nhận:

-(Tên tổ chức, cá nhân)..... (bản chính);
- UBND ...*(Tên cấp xã)*... (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố)..... (bản sao);
- Sở NNMT tỉnh (thành phố)... (bản sao);

Lưu...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

⁵ Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản, lấy theo tọa độ, vị trí thửa đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ xác nhận quyền sử dụng đất có thông tin về tọa độ, vị trí khu đất. Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ xác nhận quyền sử dụng đất có thông tin về tọa độ, vị trí khu đất thì lấy thông tin liên quan đến số hiệu của thửa đất

UBND (Tên cấp xã).....

PHỤ LỤC**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THU HỒI KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Giấy xác nhận đăng ký khoáng sản ngày tháng năm của)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN – 2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
....		
N		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu thu hồi thấp nhất: (m)		

Lưu ý: Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản, lấy theo tọa độ, vị trí thửa đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ xác nhận quyền sử dụng đất có thông tin về tọa độ, vị trí khu đất. Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ xác nhận quyền sử dụng đất có thông tin về tọa độ, vị trí khu đất thì lấy thông tin liên quan đến số hiệu của thửa đất.